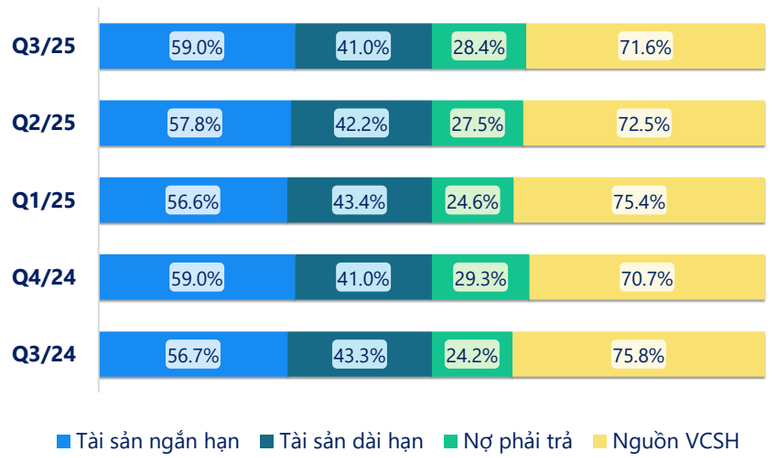
FireAnt

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (HNX: TV4)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,118
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,264
SL cổ phiếu LH	19,781,493
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,900
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	311
P/E	8.8
EPS	1,787

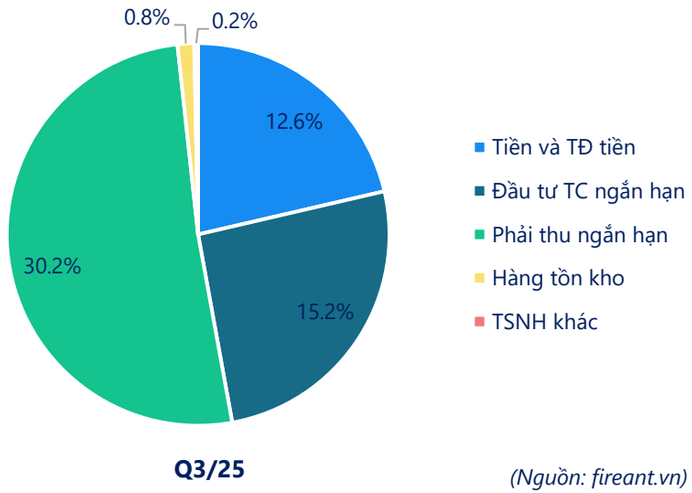
	YTD	1T	3T	6T
TV4	22.0%	8.6%	15.3%	11.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



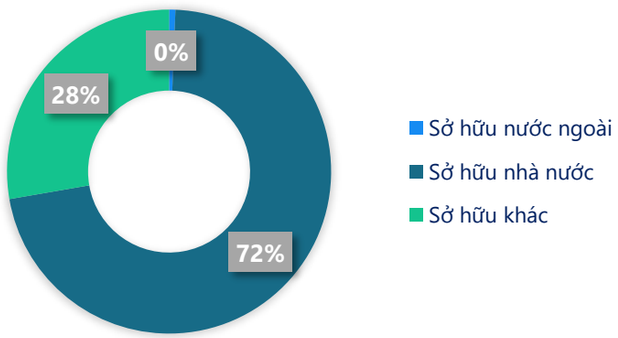
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



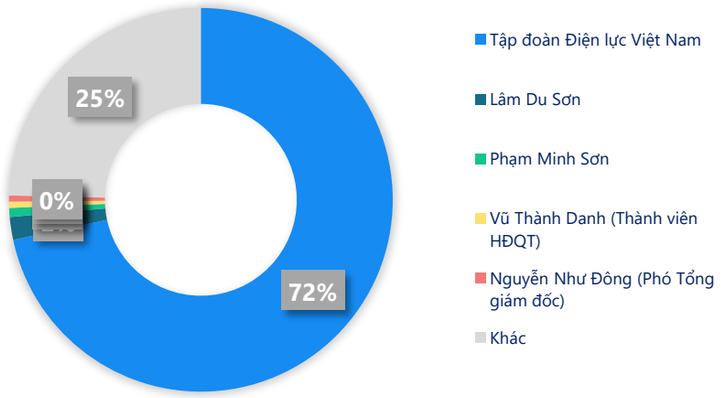
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



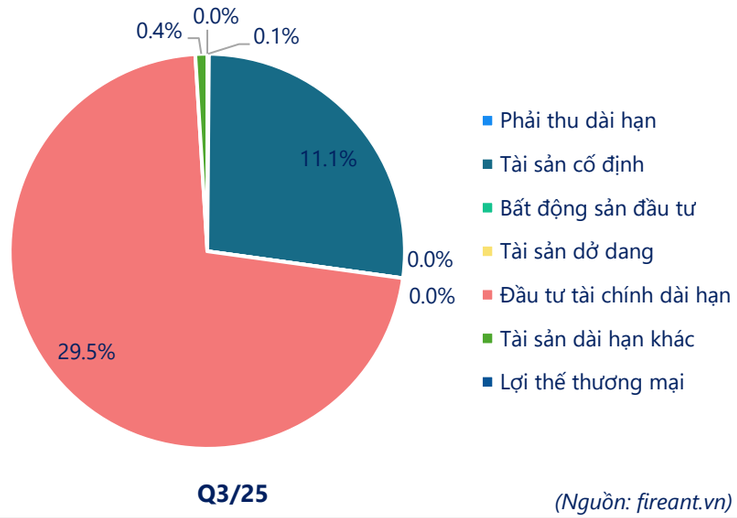
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

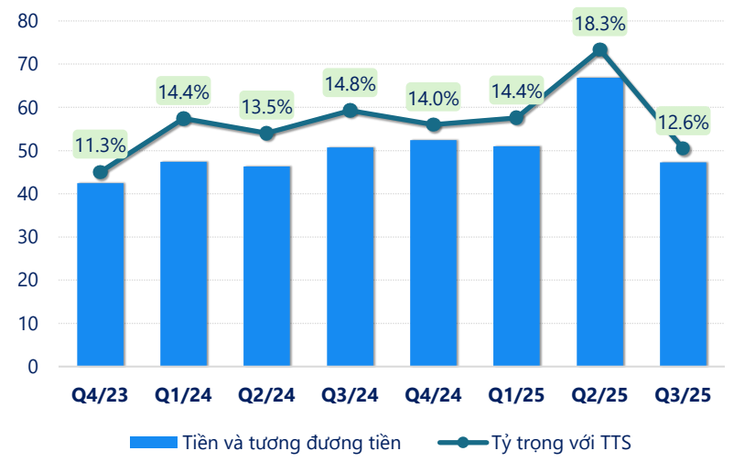


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

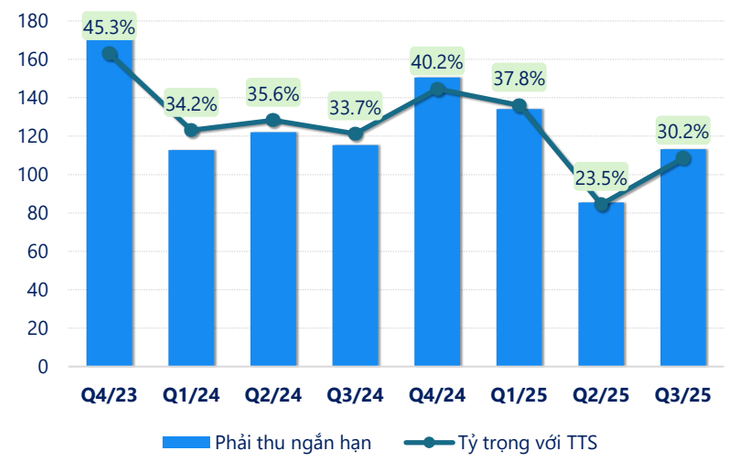
CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (HNX: TV4)

Tiền và tương đương tiền



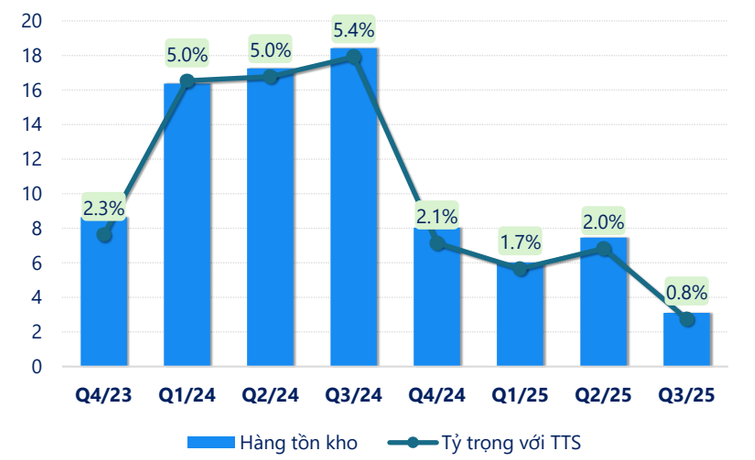
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



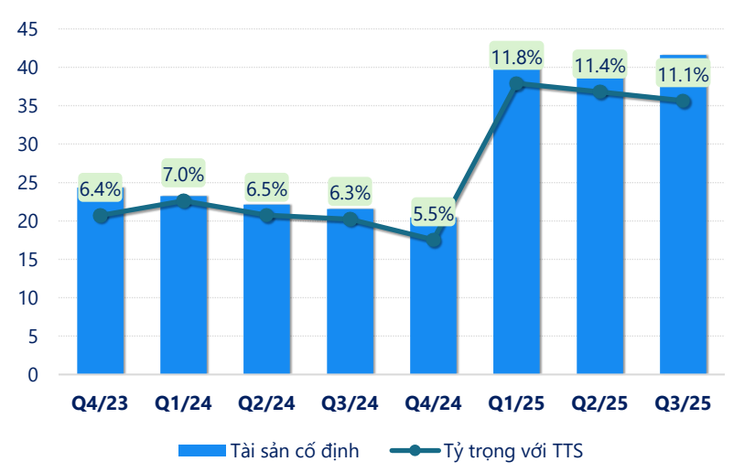
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



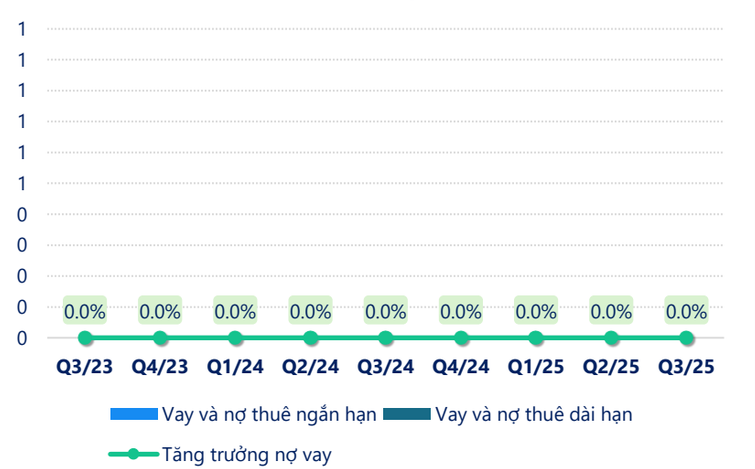
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



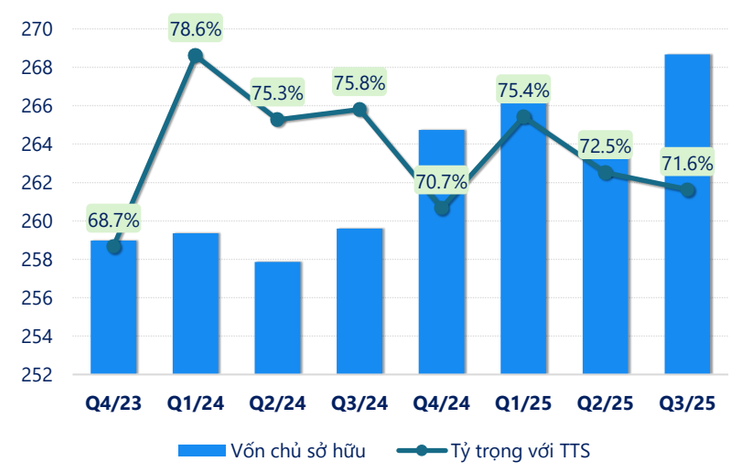
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

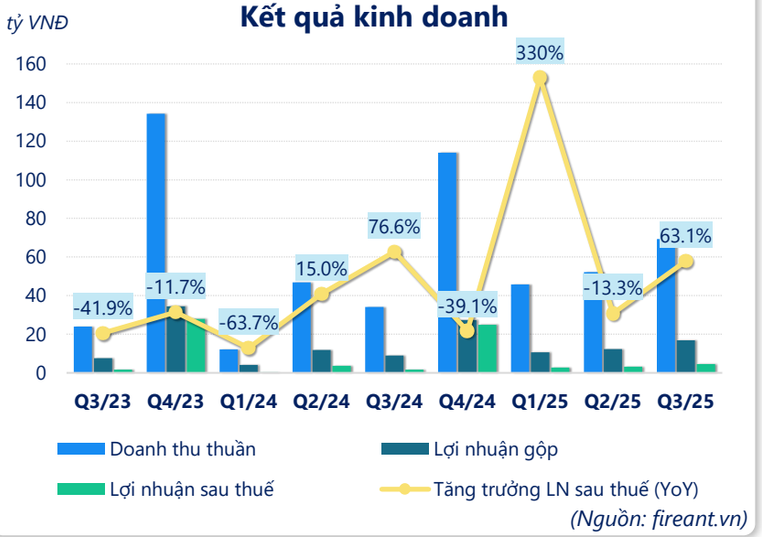


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

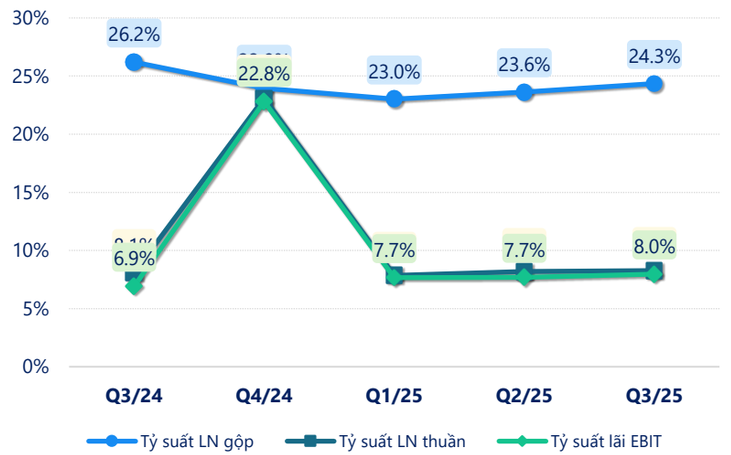
CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (HNX: TV4)

Kết quả kinh doanh



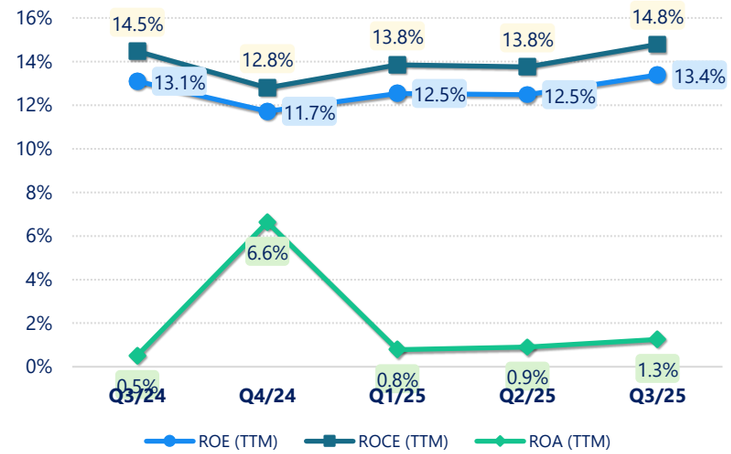
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



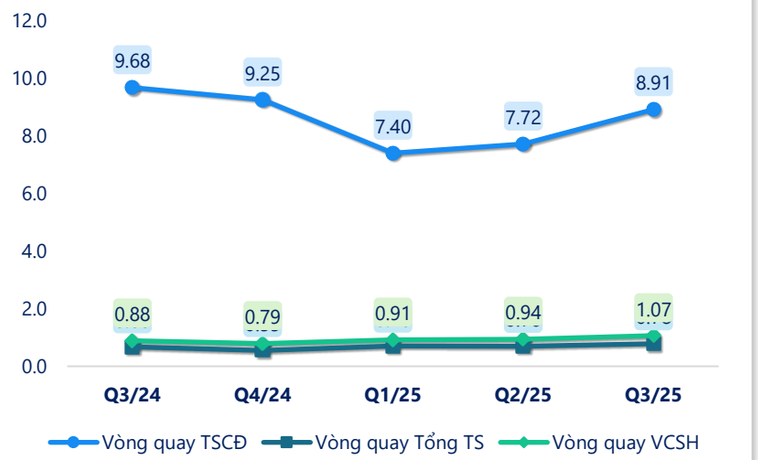
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



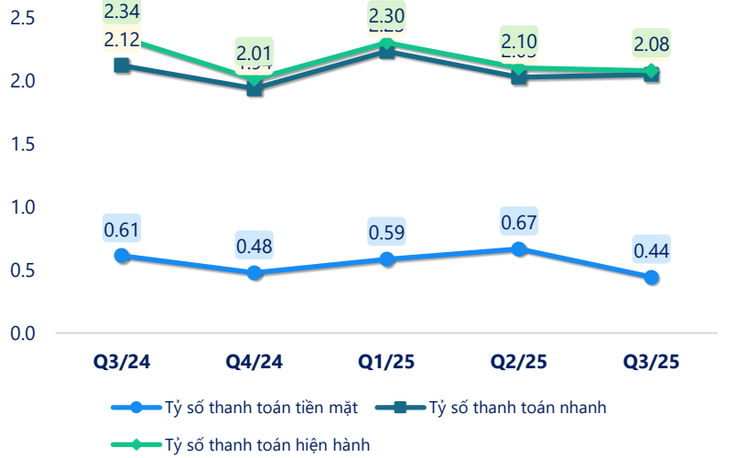
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



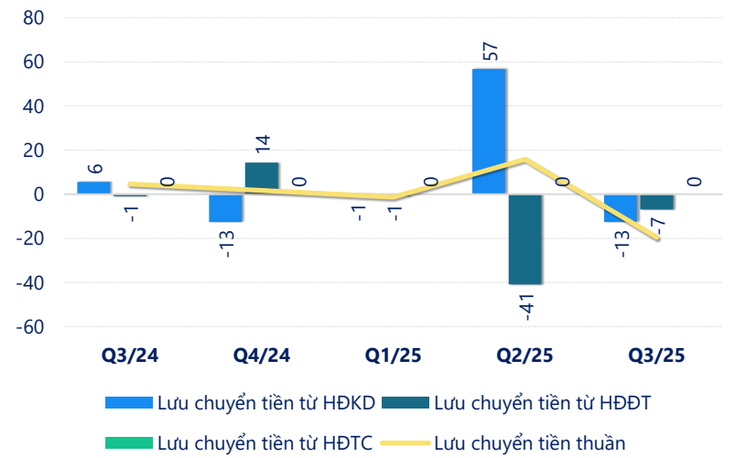
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (HNX: TV4)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**375**	**375**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	221	221	0.1%
Tiền và tương đương tiền	47.3	52.4	-9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.0	9.00	533%
Phải thu ngắn hạn	113	150	-24.8%
Hàng tồn kho	3.11	8.04	-61.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.96	-26.0%
Tài sản dài hạn	**154**	**154**	**0.1%**
Phải thu dài hạn	0.20	0.23	-9.9%
Tài sản cố định	41.6	20.5	103%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	22.0	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	111	111	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.49**	**0.44**	**236%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	106	110	-3.1%
Nợ ngắn hạn	**106**	**110**	**-3.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.2	15.7	9.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**269**	**265**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**269**	**265**	**1.5%**
Vốn điều lệ	198	198	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	34.1	114	45.9	52.2	69.3
Giá vốn hàng bán	25.1	86.7	35.3	39.9	52.4
Lợi nhuận gộp	8.92	27.3	10.6	12.3	16.9
Doanh thu HĐTC	0.35	21.5	0.47	0.96	0.88
Chi phí TC	0.19	0.13	0.00	0.06	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.33	22.4	7.42	8.97	12.0
LN thuần từ HĐKD	2.76	26.3	3.60	4.27	5.73
Lợi nhuận khác	-0.40	-0.33	-0.09	-0.26	-0.21
LN trước thuế	2.36	26.0	3.51	4.01	5.53
Lợi nhuận sau thuế	1.74	24.9	2.70	3.20	4.52
LNST của CĐ cty mẹ	1.74	24.9	2.70	3.20	4.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.61	-12.6	-0.54	56.7	-12.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.96	14.3	-0.86	-40.9	-6.89
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	46.3	50.7	52.4	51.0	66.8
Lưu chuyển tiền thuần	**4.65**	**1.67**	**-1.40**	**15.8**	**-19.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.21	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.7	52.4	51.0	66.8	47.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic